TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 219/2022/DS-ST
Ngày 28 - 12 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thái Hoàng Bo.

Ông Nguyễn Văn Hiển.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 467/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2022 về việc "tranh chấp hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 274/2022/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lý Văn T là Chủ hộ kinh doanh T. Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Chị Lê Thị Thùy T, sinh năm 1997. Địa chỉ: Số 20, ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (Theo văn bản ủy quyền ngày 24/02/2022), (có mặt).

Bị đơn:

1. Ông Tô Văn C, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp Tân H, xã Ngọc C, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Phạm Thị P, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp Tân H, xã Ngọc C, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn chị Lê Thị Thùy T trình bày:

Hộ kinh doanh T (viết tắt là T) và ông C, bà P thực hiện giao dịch mua bán thức ăn tôm, theo đó T bán thức ăn nuôi tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu

Việt Hoa và các loại thuốc thủy sản theo số lượng đặt hàng của ông C, bà P nuôi tôm đến cuối vụ anh ông C, bà P phải thanh toán dứt điểm công nợ cho T.

Trong quá trình giao dịch ông C, bà P không thực hiện trả tiền đúng theo thỏa thuận, đến cuối mùa vụ không thanh toán hết công nợ cho T. Theo bảng đối chiếu công nợ tháng 10/2020 ký ngày 01/11/2020 ông C, bà P Chúc còn nợ T số tiền là 20.011.000 đồng. Ngày 23/02/2022, ông C, bà P có thanh toán 500.000 đồng, như vậy tổng công nợ ông C, bà P còn nợ T số tiền là 19.511.000 đồng.

T đã liên hệ nhiều lần yêu cầu ông C, bà P thanh toán nhưng ông C, bà P trốn tránh, hứa hẹn không chịu thanh toán công nợ.

Tiền lãi tạm tính từ ngày 24/02/2022 đến ngày 24/10/2022 là 19.511.000 đồng x 0,83% x 08 tháng = 1.296.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi từ ngày 24/02/2022 đến ngày 24/10/2022 là 19.511.000 đồng + 1.296.000 đồng = 20.807.000 đồng.

Nay T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C, bà P thanh toán tổng số tiền 20.807.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc là 19.511.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất chậm trả.

Đối với bị đơn ông Tô Văn C và bà Phạm Thị P, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông bà nhưng ông bà không có ý kiến gì, không tham gia hòa giải và xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Tô Văn C và bà Phạm Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng mua bán và thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc là 19.511.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, do đó được xác định là nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, việc thay đổi không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[4] Về nội dung: Xét yêu cầu trả số tiền 19.511.000 đồng, thấy rằng: Yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với nội dung của hợp đồng mua bán ngày 07/6/2019 được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn đồng thời phù hợp với bảng đối chiếu công nợ tháng 10 năm 2020 được ký vào ngày 01/11/2020 thể hiện bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 20.011.000 đồng. Theo đại diện nguyên đơn ngày 23/02/2022 bị đơn có thanh toán 500.000 đồng, còn lại 19.511.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị

đơn không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 440 của Bộ luật Dân sự quy định: *"Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng"*. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật, được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông C, bà P phải chịu là: 975.550 đồng.

T không phải chịu, đã dự nộp được nhận lại toàn bộ.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 430, 433, 434, 440 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý Văn T - Chủ hộ kinh doanh T.

Buộc ông Tô Văn C và bà Phạm Thị P trả cho ông Lý Văn T - Chủ hộ kinh doanh T số tiền 19.511.000 đồng (mười chín triệu năm trăm mười một nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lý Văn Th - Chủ hộ kinh doanh T không phải chịu, hoàn trả lại cho Lý Văn Th - Chủ hộ kinh doanh T 520.000 đồng (năm trăm hai mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013210 ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

- Ông Tô Văn C và bà Phạm Thị P phải chịu 975.550 đồng (chín trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi đồng), (chưa nộp).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Hồ Dũng Liêm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hiển **Tạ Thanh Bự** **Hồ Dũng Liêm**